

Số: 14/2021/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định về quản lý lưu vực sông;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên Nước và Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Bãi bỏ Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *meol*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về điều tra cơ bản, bảo vệ nguồn nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thẩm quyền đăng ký khai thác nước dưới đất, cấp phép hoạt động về tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước; mức thu về tài nguyên nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; các hành vi bị nghiêm cấm

Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; các hành vi bị nghiêm cấm thực hiện theo Điều 3, Điều 9 Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Chương II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Điều 5. Kiểm kê tài nguyên nước

1. Việc kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện định kỳ năm (05) năm một lần, phù hợp với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Trách nhiệm kiểm kê tài nguyên nước: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm kê tài nguyên nước, tổng hợp kết quả kiểm kê trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Trách nhiệm điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

a) Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Giao thông vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

2. Nội dung, biểu mẫu điều tra, nội dung báo cáo và trình tự thực hiện điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng và các Sở, ban ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của mình và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban

nhân dân cấp xã) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về sử dụng nước của mình và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

Điều 8. Bảo vệ tài nguyên nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án, cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Lập, quản lý hành lang vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã phối hợp với các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công trình khai thác nước xác định ranh giới phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa; thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn.

3. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước.

4. Bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tiền Giang thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; mức độ xâm nhập mặn theo các triền sông vào nội địa; cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh;

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Công tác trám lấp giếng không sử dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, lập danh mục các giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh để tổ chức trám lấp theo quy định nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất.

2. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện việc trám lấp giếng không sử dụng thực hiện theo quy định.

Chương III

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Điều 10. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép

Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (viết tắt Nghị định số 201/2013/NĐ-CP).

Điều 11. Đăng ký khai thác nước dưới đất

Thực hiện theo Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kết quả “Điều tra, đánh giá xác định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 12. Nguyên tắc, căn cứ cấp phép và thời hạn giấy phép

Nguyên tắc, căn cứ, điều kiện cấp phép và thời hạn cấp phép áp dụng theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất (viết tắt Thông tư 40/2014/TT-BTNMT); Điều 4 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (viết tắt Nghị định số 60/2016/NĐ-CP); Điều 7 Nghị định 136/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên

quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (viết tắt Nghị định 136/2018/NĐ-CP).

Điều 13. Gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực, cấp lại giấy phép

1. Gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực, cấp lại giấy phép tài nguyên nước áp dụng theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

2. Gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất áp dụng theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

Điều 14. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất và cơ quan tiếp nhận, quản lý hồ sơ, giấy phép

Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất và cơ quan tiếp nhận, quản lý hồ sơ, giấy phép thực hiện theo Điều 28, Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP và Điều 11, Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

Điều 15. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; sử dụng nước mặt và nước biển; xả nước thải vào nguồn nước; hành nghề khoan nước dưới đất

1. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; sử dụng nước mặt và nước biển; xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

2. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT; Điều 4 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; Điều 7 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP.

Điều 16. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép tài nguyên nước, hành nghề khoan nước

Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép tài nguyên nước, hành nghề khoan nước thực hiện theo quy định.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Điều 38, Điều 43 Luật Tài nguyên nước và Điều 4 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

Điều 18. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

Đối với các vi phạm liên quan tài nguyên nước sẽ bị xử lý theo các quy định tại Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ và các quy định liên quan.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC, CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 19. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường bao gồm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

- Tổ chức thực hiện lập kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt;

- Tổ chức công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền, khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông;

- Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước.

c) Tiếp nhận, thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác về hoạt động tài nguyên nước đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thành lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép trong các trường hợp sau:

- Thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm;

- Khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm;

- Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 200 kw đến dưới 2.000 kw;

- Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³/giờ đến dưới 2 m³/giờ;

- Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 500m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất, quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn.

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước.

h) Hướng dẫn và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các cấp, các ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi.

b) Xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ một cách hiệu quả, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng các công trình thủy lợi, khôi phục nguồn nước bị suy thoái cạn kiệt để bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

c) Tổng hợp tình hình khai thác tài nguyên nước phục vụ cho ngành nông nghiệp, cuối năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung.

3. Sở Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh và địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác và bảo trì mạng lưới đường thủy nội địa do tỉnh quản lý.

b) Tổng hợp tình hình khai thác tài nguyên nước phục vụ cho ngành giao thông vận tải, cuối năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước đến các đối tượng học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở ngành tỉnh và địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm liên quan lĩnh vực tài nguyên nước thuộc đối tượng đầu tư công báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Sở Tài chính: Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường hàng năm để các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Hàng năm thông báo đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan thực hiện công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư không để các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu triển khai trên địa bàn tỉnh.

8. Ban Quản lý các khu công nghiệp: Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp vi phạm các quy định về quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

9. Sở Y tế: chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát và lấy mẫu xét nghiệm chất lượng nước cấp dùng cho ăn uống và sinh hoạt định kỳ tại tất cả các cơ sở cung cấp nước khu vực nông thôn, mạng phân phối cấp nước khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân, cơ quan chức năng. Tham mưu Ủy ban nhân dân

tính công bố thông tin về chất lượng nước đối với các trạm cấp nước không đạt chất lượng.

10. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

11. Công ty TNHH một thành viên cấp nước Tiền Giang: cung cấp sơ đồ, bản đồ khoanh vùng và công bố công khai những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu trách nhiệm đảm bảo việc cung cấp đủ lưu lượng và chất lượng nước cho các tổ chức, cá nhân tại những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

12. Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tiền Giang: cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường danh mục và vị trí các trạm thủy văn chuyên dùng, tài liệu khí tượng thủy văn hiện có và số liệu các yếu tố khí tượng thủy văn quan trắc được khi Sở có yêu cầu báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ hàng tháng, mùa, có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả quan trắc khí tượng thủy văn và môi trường, đồng thời dự báo tình hình khí tượng thủy văn 10 ngày, tháng, mùa tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia phối hợp với chính quyền cùng cấp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thuộc tổ chức mình và nhân dân tích cực tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tiền Giang, Báo Ấp Bắc: tổ chức đưa tin tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp huyện, cấp xã

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

b) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền.

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

đ) Tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo thẩm quyền.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn và phối hợp thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cấm mốc giới được phê duyệt.

g) Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

h) Định kỳ trước ngày 15/12 tổng hợp tình hình hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân và tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các cá nhân và hộ gia đình báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Giám sát các tổ chức, cá nhân hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất có trụ sở chính trên địa bàn quản lý, định kỳ vào đầu quý báo cáo tình hình hoạt động về Ủy ban nhân dân tỉnh cấp huyện.

b) Thống kê, cập nhật tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các cá nhân và hộ gia đình, định kỳ trước ngày 05/12 hàng năm báo cáo tình hình về Ủy ban nhân dân tỉnh cấp huyện.

c) Tổ chức thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi Phương án cấm mốc giới được phê duyệt.

Chương V

MỨC THU VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 22. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Thực hiện theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Điều 23. Phí thăm định cấp phép tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân khi được cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất phải nộp tiền phí thăm định cấp phép theo quy định.

2. Về mức thu phí được áp dụng theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng các loại phí thăm định cấp phép theo quy định của pháp luật.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm: các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Nội dung, biểu mẫu báo cáo sử dụng tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 25. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.